TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28/10/2019
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Quang Thịnh.
2. Bà Lý Bích Phụng.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa***: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28/10/2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 200/2019/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị N, sinh năm 1997.
- Bị đơn: Anh Triệu Văn B, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(*Chị N và anh B đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2019 và tại bản tự khai, nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày*:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Triệu Văn B được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08/9/2015 tại UBND xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng nhà bố mẹ chồng tại thôn K, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân muâu thuẫn là do tính cách giữa chị và anh B không hợp nhau; vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống; do anh B thường xuyên uống rượu chè không tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, không quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Chị N xác định chị và anh B đã sống ly thân nhau từ ngày 10/4/2018 đến nay không còn quan hệ vợ chồng gì với nhau, không quan tâm chăm sóc tin tưởng nhau nữa. Nay chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh B, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh B đã căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng có đoàn tụ cũng không

thể xây dựng hạnh phúc gia đình với nhau, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn B theo quy định pháp luật.

- *Về con chung*: Chị và anh Triệu Văn B có 01 con chung là cháu Triệu Xuân L, sinh ngày 26/5/2015. Hiện nay cháu Triệu Xuân L đang sinh sống cùng với anh Triệu Văn B. Ly hôn chị nhất trí để anh B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Triệu Xuân L đến khi cháu L trưởng thành và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh B.

- *Về tài sản chung*: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

- *Về vay nợ chung*: Chị N xác định vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Ngoài ra chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết bất cứ nội dung gì khác.

**** Bị đơn anh Triệu Văn B trình bày tại Biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 14/8/2019*** *(Bút lục số 19)*:

Anh đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 200/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Anh nhất trí với nội dung thông báo nêu trên và không có ý kiến gì.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Đặng Thị N được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08/9/2015 tại UBND xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống cùng nhà bố mẹ anh tại thôn K, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 9/2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách giữa anh và chị N không hợp nhau; vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống; vợ chồng không quan tâm và chăm sóc gì đến nhau. Anh B và chị N đã sống ly thân nhau từ ngày 10/4/2018 đến nay không còn quan hệ vợ chồng gì với nhau, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị N, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị N đã căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị N làm đơn ly hôn, anh nhất trí thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh và chị N có 01 con chung là cháu Triệu Xuân L, sinh ngày 26/5/2015. Hiện nay cháu Triệu Xuân L đang sinh sống cùng với anh tại thôn K, xã T, huyện H. Ly hôn, anh có nguyện trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Triệu Xuân L, sinh ngày 26/5/2015 đến khi cháu L trưởng thành, anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- *Về tài sản chung*: Anh B xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

- *Về vay nợ chung*: Anh B xác định vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Tại phiên tòa, chị N và anh B cùng vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị N và anh B cùng giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chị Đặng Thị N chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn anh Triệu Văn B chưa chấp hành việc triệu tập của Tòa án.

- *Về nội dung*: Chị N và anh B kết hôn với nhau ngày 08/9/2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện chị N và anh B đã sống ly thân với nhau từ ngày 10/4/2018 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng trầm trọng. Mục đích hôn nhân không đạt được.

Về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28; 147; 207; 227; 228; 235; 238; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị N, đề nghị xử cho chị Đặng Thị N ly hôn với anh Triệu Văn B. Giao cháu Triệu Xuân L, sinh ngày 26/5/2015 cho anh Triệu Văn B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh B. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị N phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Đặng Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Triệu Văn B nên xác định đây là vụ án "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Triệu Văn B có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn K, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự*: Nguyên đơn chị Đặng Thị N chấp hành đúng các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên bị đơn anh Triệu Văn B không chấp hành các quy định của pháp luật. Anh B xác định đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc nên việc mở phiên họp để hoà giải vụ án cũng không tiến hành được. Căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, chị Đặng Thị N và anh Triệu Văn B đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đặng Thị Nga và anh Triệu Văn B được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 08/9/2015 tại UBND xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy hôn nhân giữa chị Đặng Thị N và anh Triệu Văn B là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị N xác định cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do anh B thường xuyên uống rượu về nhà vợ chồng cãi chửi nhau không quan tâm chăm sóc nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ ngày 10/4/2018, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm, hỏi thăm gì đến nhau. Chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh B, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng trầm trọng không thể đoàn tụ. Đồng thời anh B cũng trình bày không còn tình cảm vợ chồng với chị N, vợ chồng sống ly thân từ ngày 10/4/2018 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau và nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị N. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về con chung*: Chị N và anh B có 01 con chung là cháu Triệu Xuân L, sinh ngày 26/5/2015, hiện nay cháu L đang sinh sống cùng anh B. Ly hôn chị N cũng nhất trí để anh B được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Triệu Xuân L đến khi trưởng thành; Anh B cũng đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Triệu Xuân L. Do vậy để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu Triệu Xuân L, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Triệu Xuân L, sinh ngày 26/5/2015 cho anh B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Do anh B không yêu cầu chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về tài sản chung*: Chị Đặng Thị N và anh Triệu Văn B xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về vay nợ chung*: Chị Đặng Thị N và anh Triệu Văn B xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. *Về án phí*: Chị Đặng Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28; 147; 207; 227; 228; 235; 238; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị N.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Đặng Thị N được ly hôn với anh Triệu Văn B.

- *Về con chung*: Giao cháu Triệu Xuân L, sinh ngày 26/5/2015 cho anh Triệu Văn B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Đặng Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Triệu Văn B. Chị Đặng Thị N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn.

- *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị Đặng Thị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002374 ngày 14/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị Đặng Thị N đã nộp đủ án phí. Anh Triệu Văn B không phải chịu án phí.

- *Về quyền kháng cáo*: Chị Đặng Thị N và anh Triệu Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hàm Yên;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Thái Hòa (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Tùng